UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO QUY CHẾ
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐẬU PHỘNG TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định toàn diện về quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh đã được Nhà nước bảo hộ, bao gồm: quản lý; ghi nhận và quản lý quyền sử dụng; cấp, sửa đổi, gia hạn, thu hồi quyền sử dụng; kiểm soát việc sử dụng; sử dụng dấu hiệu, logo, tem, nhãn, bao bì; truy xuất nguồn gốc và các hoạt động có liên quan.

2. Quy chế này cũng quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng và kiểm soát chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh.

3. Những nội dung không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh;

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm đậu phộng trong khu vực địa lý được bảo hộ và các tổ chức, cá nhân thu mua, đóng gói, kinh doanh sản phẩm đậu phộng có nguồn gốc từ khu vực địa lý được bảo hộ;

3. Các tổ chức tập thể (hội, hiệp hội, hợp tác xã) và các tổ chức, cá nhân được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc và khai thác chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh phải tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm duy trì, bảo vệ và phát triển danh tiếng, chất lượng và đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý theo Bản mô tả đã được bảo hộ.

3. Việc sử dụng chỉ dẫn địa lý phải gắn với sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý được bảo hộ và đáp ứng các điều kiện, tiêu chí chất lượng theo quy định.

4. Kết hợp giữa cơ chế tiền kiểm và hậu kiểm trong quản lý, kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý; tăng cường trách nhiệm tự kiểm soát của các tổ chức, cá nhân sử dụng.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng và phát triển chỉ dẫn địa lý.

CHƯƠNG II. SẢN PHẨM MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐẬU PHỘNG TÂY NINH

Điều 4. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh

1. Chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh được sử dụng cho sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý tương ứng và đáp ứng các đặc tính, chất lượng theo Bản mô tả chỉ dẫn địa lý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có các đặc điểm cơ bản sau:

a) *Đặc điểm hình thái, cảm quan:*

- Quả đậu phộng nhỏ.
- Hạt đậu phộng sống có vị béo, bùi.

b) Đặc điểm lý hóa:

- Chiều dài quả: ≤ 2,37 cm;
- Chiều rộng quả: ≤ 1,35 cm;
- Chiều dài hạt: ≤ 1,29 cm;
- Chiều rộng hạt: ≤ 0,65 cm;
- Hàm lượng chất béo tổng số (tính theo chất khô): ≥ 33,13%;
- Hàm lượng canxi: ≥ 764,88 mg/kg.



Điều 5. Điều kiện sản phẩm

Sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có nguồn gốc từ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý;

2. Đậu phộng được trồng, thu hoạch và phơi khô trong khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý; việc phân loại, đóng gói, ghi nhãn có thể thực hiện ngoài khu vực địa lý nhưng phải bảo đảm truy xuất được vùng nguyên liệu theo quy định tại Điều 22;

3. Đáp ứng các tiêu chí về chất lượng, đặc tính theo Bản mô tả chỉ dẫn địa lý;

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và các quy định có liên quan (nếu có).

Điều 6. Khu vực địa lý

Vùng chỉ dẫn địa lý gồm 32 xã, phường, thị trấn thuộc 06 huyện, thị xã, thành phố như sau:

1. Huyện Dương Minh Châu: xã Suối Đá, xã Phan, xã Phước Ninh, xã Phước Minh, xã Bàu Năng, xã Chà Là, xã Cầu Khởi, xã Lộc Ninh, xã Truông Mít.

2. Huyện Châu Thành: xã Thái Bình, xã An Cơ, xã An Bình, xã Đồng Khởi, xã Long Vĩnh, xã Ninh Điền, xã Thành Long.

3. Huyện Tân Châu: xã Tân Hội.

4. Huyện Gò Dầu: thị trấn Gò Dầu, xã Thanh Phước, xã Phước Đông, xã Phước Thạnh, xã Phước Trạch, xã Hiệp Thạnh, xã Thạnh Đức, xã Cẩm Giang.

5. Thị xã Trảng Bàng: phường Gia Lộc, phường Lộc Hưng, xã Phước Chỉ, xã Hưng Thuận.

6. Thành phố Tây Ninh: phường Ninh Thạnh, phường Ninh Sơn, xã Tân Bình.

Kể từ ngày 01/7/2025, theo Nghị quyết số 1682/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tây Ninh năm 2025, khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh theo Bản đồ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt gồm các xã, phường như sau:

1. Xã Dương Minh Châu
2. Xã Cầu Khởi
3. Xã Lộc Ninh
4. Phường Ninh Thạnh
5. Xã Truông Mít
6. Xã Châu Thành
7. Xã Hảo Đước
8. Xã Long Chữ
9. Xã Ninh Điền
10. Xã Tân Hội
11. Phường Gò Dầu
12. Phường Gia Lộc
13. Xã Phước Thạnh
14. Xã Thạnh Đức
15. Xã Phước Chỉ
16. Xã Hưng Thuận
17. Phường An Tịnh
18. Phường Bình Minh
19. Phường Tân Ninh

Trường hợp xã, phường mới được hình thành từ việc sắp xếp cả đơn vị hành chính có tên và không có tên trong danh sách 32 đơn vị nêu trên (ví dụ: phường Tân Ninh được hình thành từ phường 1, phường 2, phường 3, phường IV, phường Hiệp Ninh và phần còn lại của xã Thái Bình), khu vực địa lý chỉ bao gồm phần diện tích thuộc các đơn vị hành chính cũ có tên trong danh sách 32 đơn vị và được thể hiện trên Bản đồ khu vực địa lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt.

CHƯƠNG III. GHI NHẬN VÀ QUẢN LÝ QUYỀN SỬ DỤNG

Điều 7. Điều kiện được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý

Tổ chức, cá nhân được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Sản xuất đậu phộng hoặc chế biến các sản phẩm từ nguyên liệu đậu phộng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc khu vực địa lý được bảo hộ; hoặc thu mua, sơ chế, đóng gói, kinh doanh sản phẩm đậu phộng có nguồn gốc từ khu vực địa lý được bảo hộ, có hợp đồng hoặc hồ sơ thu mua bảo đảm truy xuất được đến vùng nguyên liệu;

2. Có hồ sơ đề nghị ghi nhận quyền sử dụng gửi cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý;

3. Cam kết tuân thủ quy định theo Quy chế này.

Điều 8. Quy định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Hồ sơ yêu cầu ghi nhận quyền sử dụng:

- Tờ khai đề nghị ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh theo Mẫu 01, Phụ lục 2 của Quy chế này;

- Bản cam kết về việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh theo Mẫu 02, Phụ lục 2 của Quy chế này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh (đối với tổ chức, hộ kinh doanh) hoặc bản sao thẻ Căn cước (đối với cá nhân).

2. Số lượng hồ sơ: Hồ sơ được lập thành 02 bộ (01 bản gốc, 01 bản sao).

3. Địa điểm nộp hồ sơ: Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

4. Hồ sơ được coi là hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đầy đủ các thành phần, số lượng tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Người ký tên chịu trách nhiệm về nội dung trong hồ sơ phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc chủ hộ.

Điều 9. Quy định xem xét hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công bộ phận chuyên môn phù hợp xem xét hồ sơ, kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ, xác thực của tài liệu và ghi nhận các thông tin của tổ chức, cá nhân;

2. Việc phân công trách nhiệm xem xét hồ sơ căn cứ vào phạm vi, tính chất và sản phẩm yêu cầu ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân;

3. Đơn vị, cá nhân được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu cần) và báo cáo kết quả xem xét hồ sơ theo quy chế làm việc của đơn vị;

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành lập danh sách và công khai danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý;

5. Thời hạn xem xét hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 10. Quy định về sửa đổi, cấp lại Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh

1. *Trường hợp sửa đổi, cấp lại*

a) Tổ chức, cá nhân được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý có quyền đề nghị sửa đổi thông tin liên quan đến việc sử dụng chỉ dẫn địa lý, bao gồm: tên, địa chỉ, nhãn hàng hóa, sản phẩm sử dụng, diện tích, sản lượng và các thông tin khác có liên quan;

b) Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị cấp lại Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý trong các trường hợp: Giấy ghi nhận bị mất, bị hư hỏng hoặc có thay đổi thông tin cần cấp lại.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, cấp lại

a) Tờ khai đề nghị sửa đổi, cấp lại Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (theo Mẫu 03, Phụ lục 2 của Quy chế này);

b) Bản gốc Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (đối với trường hợp sửa đổi hoặc cấp lại do bị hư hỏng);

c) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi (nếu có);

d) Số lượng và nơi nộp hồ sơ: 02 bộ (01 bản gốc, 01 bản sao), nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, cơ quan quản lý thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện;

c) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý tổ chức thẩm định và quyết định sửa đổi hoặc cấp lại Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

4. Hiệu lực của Giấy ghi nhận

Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý được sửa đổi, cấp lại có thời hạn hiệu lực theo thời hạn còn lại của Giấy ghi nhận đã cấp trước đó.

Điều 11. Gia hạn

1. *Thời điểm nộp hồ sơ*

Trong thời hạn 03 tháng trước ngày Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hết hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn đến cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý.

2. *Hồ sơ đề nghị gia hạn*

a) Văn bản đề nghị gia hạn Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (theo Mẫu 04, Phụ lục 2 của Quy chế này);

b) Bản gốc Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;

c) Tài liệu về hiện trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm đậu phộng (trong trường hợp có thay đổi so với lần đăng ký trước).

3. *Số lượng và nơi nộp hồ sơ*

02 bộ hồ sơ (01 bản gốc, 01 bản sao), nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

4. Trình tự, thủ tục giải quyết

a) Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, cơ quan quản lý thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện;

c) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý tổ chức thẩm định và quyết định gia hạn Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;

d) Trường hợp từ chối gia hạn, cơ quan quản lý thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Hiệu lực gia hạn

Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý được gia hạn mỗi lần không quá 05 năm.

Điều 12. Quy định thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh

1. Các trường hợp bị thu hồi

Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý và bị loại khỏi danh sách khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không tuân thủ quy trình kỹ thuật đã được quy định;

b) Sản phẩm không đáp ứng điều kiện bảo hộ của chỉ dẫn địa lý;

c) Sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý (logo, cụm từ "Tây Ninh", "đậu phộng Tây Ninh", "Tây Ninh Peanut") không đúng quy định;

d) Không sử dụng chỉ dẫn địa lý liên tục từ 02 (hai) năm trở lên;

đ) Chuyển giao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý trái quy định;

e) Tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

g) Tổ chức, cá nhân tự nguyện chấm dứt quyền sử dụng;

h) Vi phạm quy định pháp luật về an toàn thực phẩm hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng khác có liên quan.

2. Căn cứ xem xét thu hồi

Việc thu hồi được thực hiện trên cơ sở một hoặc nhiều tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát;

b) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành;

c) Biên bản xác nhận hành vi vi phạm hoặc các tài liệu, chứng cứ hợp pháp có liên quan;

d) Văn bản đề nghị chấm dứt quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi hoặc từ chối thu hồi

a) Khi tiếp nhận thông tin, tài liệu liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh tổ chức kiểm tra, xác minh nội dung;

b) Căn cứ kết quả xác minh và mức độ vi phạm, áp dụng một trong các biện pháp sau:

- Nhắc nhở, yêu cầu khắc phục trong thời hạn nhất định;

- Đình chỉ quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;

- Thu hồi quyền sử dụng và loại khỏi danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng.

Trường hợp đã được nhắc nhở nhưng không khắc phục:

- Sau lần nhắc nhở thứ nhất: xem xét đình chỉ;

- Sau lần nhắc nhở thứ hai hoặc vi phạm nghiêm trọng: thực hiện thu hồi và loại khỏi danh sách.

c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, xác minh, cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý ban hành quyết định:

- Nhắc nhở, đình chỉ hoặc thu hồi;

- Từ chối thu hồi (nêu rõ lý do).

d) Quyết định đình chỉ, thu hồi phải được thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân liên quan và các cơ quan có liên quan;

đ) Trường hợp từ chối thu hồi, cơ quan quản lý phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do;

e) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày quyết định có hiệu lực, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm công bố danh sách tổ chức, cá nhân bị đình chỉ, thu hồi trên trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Xem xét cấp lại quyền sử dụng

Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyền sử dụng do vi phạm chỉ được xem xét ghi nhận lại quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý sau 01 (một) năm kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực; trình tự, thủ tục thực hiện như cấp lần đầu.

CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Điều 13. Nguyên tắc kiểm soát

Việc kiểm soát chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Căn cứ Bản mô tả chỉ dẫn địa lý, Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan;

2. Bảo đảm duy trì chất lượng, danh tiếng và đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

3. Thực hiện theo cơ chế kết hợp giữa tiền kiểm và hậu kiểm, gắn với trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng;

4. Bảo đảm khách quan, minh bạch, đúng thẩm quyền;

5. Kết quả kiểm soát là căn cứ để xem xét duy trì, đình chỉ hoặc thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Điều 14. Nội dung kiểm soát

Nội dung kiểm soát chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh bao gồm:

1. Kiểm soát sự tuân thủ các yêu cầu bắt buộc về quy trình kỹ thuật (đối với tổ chức/cá nhân sản xuất);

2. Kiểm soát về nguồn gốc sản phẩm;

3. Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

4. Kiểm soát việc sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý trong hoạt động thương mại và các nội dung khác có liên quan.

Điều 15. Hệ thống kiểm soát

1. Chi cục Nông nghiệp (Sở Nông nghiệp và Môi trường) chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm soát (định kỳ hoặc đột xuất), thành lập Tổ kiểm soát trình Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt; tổ chức thực hiện kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tham gia các hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành có liên quan.

2. Tổ kiểm soát của tổ chức tập thể (hội, hiệp hội, hợp tác xã) thực hiện kiểm soát nội bộ đối với các thành viên; phối hợp với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương trong hoạt động kiểm soát theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Tổ kiểm soát chỉ dẫn địa lý được thành lập theo từng kế hoạch, gồm từ 03 đến 07 thành viên có chuyên môn phù hợp, bảo đảm tính độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 16. Quy định về trình tự, thủ tục kiểm soát

1. Hoạt động kiểm soát

a) Kiểm soát định kỳ

Thực hiện theo kế hoạch được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, tối thiểu 01 lần/năm; bao gồm kiểm tra việc tuân thủ quy định của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý và hoạt động kiểm soát của tổ chức tập thể.

b) Kiểm tra, kiểm soát đột xuất

Hoạt động kiểm tra đột xuất được thực hiện trong những trường hợp sau:

- Có dấu hiệu vi phạm về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm;

- Có phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc sử dụng chỉ dẫn địa lý.

2. Hoạt động kiểm soát của các chủ thể

a) Cơ quan quản lý tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất;

b) Tổ chức tập thể thực hiện kiểm soát nội bộ đối với thành viên, tối thiểu 01 lần/năm và phối hợp với cơ quan quản lý khi có yêu cầu;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng có trách nhiệm tự kiểm soát, theo dõi nguồn gốc, quá trình sản xuất, chất lượng sản phẩm và việc sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý theo quy định.

3. Trình tự kiểm tra

a) Kiểm tra định kỳ

- Thành lập Tổ kiểm soát theo kế hoạch đã được phê duyệt;

- Thông báo kế hoạch kiểm tra trước khi thực hiện;

- Tiến hành kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ;

- Lập biên bản, thông báo kết quả và yêu cầu khắc phục (nếu có);

- Trường hợp phát hiện vi phạm, thực hiện xử lý theo quy định.

b) Kiểm tra đột xuất

Thực hiện khi có căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều này; trình tự thực hiện tương tự từ bước kiểm tra, lập biên bản và xử lý.

4. Lấy mẫu, kiểm nghiệm (nếu cần)

a) Việc lấy mẫu được thực hiện khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc có tranh chấp kết quả kiểm tra;

b) Mẫu được lấy ngẫu nhiên, lập biên bản, niêm phong và gửi cơ quan có chức năng phân tích;

c) Chi phí phân tích do tổ chức, cá nhân chi trả trong trường hợp sản phẩm không đạt yêu cầu;

d) Kết quả kiểm nghiệm được thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 17. Công cụ kiểm soát

1. Công cụ kiểm soát về quy trình kỹ thuật

Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý cần tuân thủ quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm (theo mẫu do Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn) để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá.

2. Công cụ để kiểm soát và truy xuất nguồn gốc

- Bản đồ khu vực địa lý được bảo hộ;

- Hệ thống mã số, mã vạch, mã QR hoặc hình thức phù hợp do tổ chức, cá nhân thiết lập để truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

- Hồ sơ theo dõi sản xuất, kinh doanh bảo đảm khả năng xác định nguồn gốc lô sản phẩm (nếu có).

3. Công cụ kiểm soát về chất lượng

- Đánh giá cảm quan sản phẩm do Tổ kiểm soát hoặc chuyên gia thực hiện;

- Kết quả phân tích các chỉ tiêu chất lượng của tổ chức có chức năng, năng lực phù hợp (nếu có).

4. Công cụ kiểm soát sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý

- Thực hiện theo quy định của Quy chế này;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa và các quy định có liên quan.

Điều 18. Phương pháp kiểm soát

1. Kiểm tra thực địa nhằm đánh giá việc tuân thủ các điều kiện địa lý của vùng sản xuất;

2. Kiểm tra sản xuất của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý nhằm đánh giá việc tuân thủ quy trình kỹ thuật và việc sử dụng các dấu hiệu chỉ dẫn địa lý;

3. Đánh giá cảm quan nhằm xác định chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

4. Lấy mẫu sản phẩm để phân tích các chỉ tiêu lý, hóa tại tổ chức có chức năng, năng lực phù hợp theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

CHƯƠNG V. TEM, NHÃN VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Điều 19. Nguyên tắc quản lý và sử dụng logo, tem, nhãn, bao bì

1. Tem chỉ dẫn địa lý là logo chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh được in rời; logo là biểu tượng chính thức của chỉ dẫn địa lý;

2. Việc quản lý và sử dụng logo, tem, nhãn, bao bì phải tuân thủ Quy chế này và các quy định có liên quan;

3. Logo, tem, nhãn, bao bì chỉ được sử dụng cho sản phẩm đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tiêu chí của chỉ dẫn địa lý;

4. Tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý chịu trách nhiệm về việc sử dụng logo, tem, nhãn trên sản phẩm của mình;

5. Việc in trực tiếp logo trên bao bì sản phẩm phải được cơ quan quản lý có thẩm quyền cho phép;

6. Logo có thể được sử dụng trên ấn phẩm giao dịch, biển hiệu, phương tiện kinh doanh và tài liệu quảng bá;

7. Nghiêm cấm các hành vi cho, cho mượn, chuyển nhượng, sao chép, sử dụng logo, tem cho sản phẩm không đủ điều kiện hoặc cho tổ chức, cá nhân khác;

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chi cục Nông nghiệp tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm công bố danh sách tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng logo, tem trên các phương tiện thông tin phù hợp.

Điều 20. Quy định về sử dụng logo, nhãn và dấu hiệu chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh

Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh phải sử dụng đầy đủ các dấu hiệu nhận diện trên nhãn hàng hóa theo quy định sau:

1. Logo chỉ dẫn địa lý

a) Logo chỉ dẫn địa lý phải được gắn trên nhãn hàng hóa, đặt ở vị trí dễ nhận biết (mặt trước của bao bì);

b) Kích thước logo không nhỏ hơn 2/3 kích thước logo riêng của tổ chức, cá nhân (nếu có);

c) Việc sử dụng logo phải đúng quy định về hình ảnh, màu sắc, bố cục và tỷ lệ;

d) Được phép phóng to, thu nhỏ phù hợp với bao bì nhưng không được làm thay đổi nội dung, hình thức của logo.

2. Nhãn hàng hóa

a) Nhãn hàng hóa phải thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa;

b) Nhãn hàng hóa phải có tối thiểu các nội dung:

- Logo chỉ dẫn địa lý;

- Thông tin về tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

c) Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng đồng thời logo chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu riêng trên nhãn hàng hóa; việc sử dụng nhãn hiệu riêng thực hiện theo quy định pháp luật, cơ quan quản lý không chịu trách nhiệm đối với nội dung nhãn hiệu riêng;

d) Trường hợp sử dụng nhãn hàng hóa riêng, thiết kế riêng thì vẫn phải bảo đảm có logo chỉ dẫn địa lý với kích thước không nhỏ hơn 2/3 logo riêng.

3. Sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý

a) Dấu hiệu "đậu phộng Tây Ninh" phải được thể hiện trên nhãn hàng hóa sản phẩm;

b) Dấu hiệu phải được đặt ở vị trí dễ nhận biết, kích thước phù hợp, bảo đảm người tiêu dùng có thể nhận diện rõ;

c) Kích thước dấu hiệu chỉ dẫn địa lý không nhỏ hơn dấu hiệu riêng của tổ chức, cá nhân (nếu có).

Điều 21. Quy định về tem chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh

Trường hợp logo được sử dụng dưới dạng tem, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Tem phải bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm; chỉ sử dụng một lần và có độ bám dính cao, không thể tự bóc tách khỏi bao bì;

2. Hình ảnh, kích thước, màu sắc của tem thực hiện theo quy định tại Phụ lục 3 của Quy chế này;

3. Tem được in trên vật liệu có độ bền cao, có biện pháp chống làm giả và được quản lý thống nhất bởi cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Truy xuất nguồn gốc

Việc sử dụng tem, nhãn, bao bì đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý phải bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc, phục vụ công tác quản lý và bảo vệ uy tín sản phẩm, bao gồm:

1. Áp dụng mã số, mã vạch, mã QR hoặc hình thức phù hợp;

2. Ghi nhận, lưu trữ thông tin về quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến và kinh doanh sản phẩm;

3. Bảo đảm khả năng truy xuất đến từng lô sản phẩm.

CHƯƠNG VI. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

Điều 23. Quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh có các quyền sau:

1. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc sử dụng chỉ dẫn địa lý;

2. Gắn chỉ dẫn địa lý trên bao bì đối với sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh đáp ứng điều kiện;

3. Sử dụng đồng thời chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu riêng (nếu có);

4. Khai thác, sử dụng và thụ hưởng các lợi ích từ chỉ dẫn địa lý;

5. Yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm;

6. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;

7. Được ghi nhận vào danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định;

8. Được tham gia các chương trình hỗ trợ, quảng bá liên quan khi đáp ứng điều kiện theo quy định.

Điều 24. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về sử dụng chỉ dẫn địa lý

Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh có các nghĩa vụ sau:

1. Sử dụng đúng, đầy đủ dấu hiệu chỉ dẫn địa lý (tên gọi, logo) theo quy định của Quy chế này;

2. Chỉ sử dụng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy chế này và các quy định liên quan;

3. Tuân thủ các quy định của Quy chế này nhằm duy trì, bảo vệ và nâng cao chất lượng, uy tín của sản phẩm;

4. Phối hợp, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý;

5. Không thực hiện các hành vi làm sai lệch nhận thức của người tiêu dùng hoặc ảnh hưởng đến uy tín của chỉ dẫn địa lý;

6. Thông báo cho cơ quan quản lý khi không còn nhu cầu sử dụng để thực hiện thủ tục thu hồi;

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng theo quy định;

8. Thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc sử dụng chỉ dẫn địa lý (nếu có).

CHƯƠNG VII. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Hành vi vi phạm

Hành vi vi phạm trong việc quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh bao gồm:

1. Gắn hoặc sử dụng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm không đáp ứng các điều kiện, đặc tính theo quy định;

2. Sử dụng chỉ dẫn địa lý, logo, tem, nhãn, bao bì không đúng quy định của Quy chế này;

3. Sử dụng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm của tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện;

4. Tự ý chuyển giao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân khác;

5. Tiếp tục sử dụng chỉ dẫn địa lý sau khi đã bị thu hồi quyền sử dụng;

6. Cung cấp, tuyên truyền thông tin sai lệch, gây nhầm lẫn về sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

7. Thực hiện các hành vi gây ảnh hưởng xấu, làm tổn hại đến uy tín, danh tiếng của chỉ dẫn địa lý;

8. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

Điều 26. Hình thức xử lý

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử lý sau:

1. Nhắc nhở;

2. Đình chỉ quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;

3. Thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, cơ quan quản lý xem xét áp dụng biện pháp xử lý phù hợp hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ hoạt động quản lý và kiểm soát chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh được bảo đảm từ nguồn kinh phí thường xuyên của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ngành có liên quan phối hợp thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

PHỤ LỤC 1.
QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT ĐẬU PHỘNG TÂY NINH

1. Giống

- Sử dụng giống Lỳ địa phương và các giống VD1, VD2 được chọn tạo từ giống Lỳ; thời gian sinh trưởng 85 – 90 ngày.
- Hạt giống chắc, đồng đều; loại bỏ hạt lép, hạt vỡ, hạt bị nấm mốc, lên dầu hoặc có mầm teo khô. Sau khi tách vỏ phải gieo ngay, không để quá 07 ngày.
- Lượng giống cho 1 ha: vụ Đông Xuân 200 kg; vụ Hè Thu 160 – 180 kg.

2. Thời vụ

- Vụ Đông Xuân (vụ chính): gieo tháng 11 – 12, thu hoạch tháng 2 – 3 năm sau.
- Vụ Hè Thu: gieo tháng 4 – 5, thu hoạch tháng 7 – 8.

3. Chuẩn bị đất và lên luống

- Đất cát pha, thịt nhẹ, tơi xốp, thoát nước tốt. Cày sâu 20 – 25 cm, bừa hoặc phay 2 – 3 lần cho đất tơi; dọn sạch cỏ dại, thu gom tiêu hủy tàn dư cây bệnh của vụ trước.
- Tưới thấm: lên luống rộng 1,2 – 1,5 m; rãnh rộng 30 cm, sâu 15 – 20 cm.
- Tưới phun: lên luống rộng 2,5 – 3,0 m; rãnh rộng 30 cm, sâu 15 – 20 cm.
- Vụ Hè Thu trên chân đất thấp, thoát nước kém: làm luống hẹp rộng 75 – 80 cm (cả rãnh), cao 20 – 25 cm, mặt luống 45 – 50 cm; gieo 2 hàng, cách mép rãnh 10 – 15 cm.

4. Gieo hạt

- Xử lý hạt giống bằng thuốc phòng bệnh chết cây con với liều 3 g/kg hạt; hoặc trộn chế phẩm Trichoderma với phân chuồng, phân hữu cơ vi sinh bón vào đất trước khi gieo.
- Khoảng cách gieo: vụ Đông Xuân 30 × 25 cm; vụ Hè Thu 30 × 30 cm; gieo 2 hạt/hốc, sâu 3 – 5 cm, lấp lớp đất tơi mỏng.
- Ruộng có kiến, mối: xử lý đất bằng thuốc dạng hạt rải quanh hàng gieo trước khi gieo.

5. Phân bón

- Lượng dinh dưỡng cho 1 ha: 42 – 46 kg N + 60 – 90 kg P_2O_5 + 80 – 100 kg K_2O, tương đương:
  + Phân chuồng hoai mục 4 – 5 tấn (hoặc 1,5 – 2 tấn phân hữu cơ vi sinh);
  + Tro dừa 100 – 150 giạ (2.000 – 3.000 kg);
  + Phân SA 200 kg (hoặc urê 100 kg);
  + Super lân 500 kg;
  + Kali clorua (KCl) 150 kg;
  + Vôi bột 500 kg (đất chua có thể bón nhiều hơn).
- Cách bón:
  + Vụ Đông Xuân: rải toàn bộ vôi bột khi cày lần 1; bón lót một lần toàn bộ phân chuồng, tro dừa và phân hóa học trước khi gieo.
  + Vụ Hè Thu: rải toàn bộ vôi bột khi cày lần 1; bón lót toàn bộ phân chuồng, tro dừa, super lân, 70 kg SA (hoặc 35 kg urê) và 40 kg KCl trước khi lên luống; bón thúc lượng đạm và kali còn lại khi cây có 3 – 4 lá thật (12 – 15 ngày sau gieo), kết hợp xới phá váng, vun nhẹ gốc.

+ Khi sử dụng màng phủ nilon: bón lót toàn bộ phân chuồng, super lân và ½ lượng vôi bột trước khi bừa lần cuối; trộn đều toàn bộ đạm, kali bón dọc hàng trồng trước khi lên luống, căng màng; ½ lượng vôi bột còn lại bón sát gốc khi cây bắt đầu đâm tia. Không xới xáo, rạch bón thúc để tránh rách màng.

- Có thể phun phân bón lá khi cây được 20 ngày tuổi để cây ra hoa tập trung. Giai đoạn đâm tia, bón bổ sung vôi bột hoặc thạch cao sát gốc để cung cấp canxi, giúp quả chắc, hạn chế nấm mốc vàng.

6. Tưới nước

- 20 ngày đầu sau mọc: giữ ẩm đất ở mức 60 – 65% độ ẩm đồng ruộng (bóp chặt đất không rỉ nước) để rễ phát triển sâu.
- Từ sau 20 ngày: duy trì ẩm độ 70 – 75% độ ẩm đồng ruộng; không để thiếu nước ở giai đoạn ra hoa rộ (cây 6 – 7 lá thật) và giai đoạn đâm tia, làm quả, chắc hạt.
- Mùa khô: tưới thấm theo rãnh 4 – 7 lần/vụ; cho nước vào khoảng 2/3 chiều cao rãnh, khi mặt luống đủ ẩm thì tháo cạn, không để nước đọng lâu trong rãnh.
- Hạn chế tưới 7 – 10 ngày trước thu hoạch.

7. Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)

- Sâu hại (sâu khoang, sâu xanh, sâu xanh da láng): trồng cây hướng dương làm cây dẫn dụ quanh ruộng, đặt bẫy pheromone; phun thuốc 4 – 6 ngày sau đỉnh mật số bướm vào bẫy. Trong 40 – 45 ngày đầu sau gieo ưu tiên thuốc sinh học (BT, nấm Metarhizium, Beauveria, virus NPV); giai đoạn sau chỉ dùng thuốc hóa học khi mật độ sâu vượt ngưỡng; luân phiên hoạt chất.
- Cỏ dại: 1 – 3 ngày sau gieo phun thuốc trừ cỏ tiền nảy mầm trên mặt đất ẩm; 10 – 15 ngày sau gieo, nếu có cỏ hòa bản (cỏ chỉ, cỏ ống, cỏ mật…) phun thuốc trừ cỏ hậu nảy mầm chọn lọc; kết hợp làm cỏ tay, xới phá váng.
- Côn trùng chích hút (nhện đỏ, rầy, rệp, bọ trĩ): thăm đồng thường xuyên, phun thuốc đặc hiệu khi mật độ cao.
- Bệnh hại lá (đốm nâu, đốm đen, gỉ sắt): phun phòng 2 lần vào ngày thứ 40 và ngày thứ 60 sau gieo.
- Bệnh héo xanh vi khuẩn (chết ẻo): luân canh với lúa nước, bắp, mía; không trồng đậu phộng liên tục trên ruộng đã bị bệnh; nhổ bỏ cây bệnh mang ra xa ruộng tiêu hủy, xử lý hố bằng vôi bột.
- Nấm mốc vàng (Aspergillus flavus): giữ đủ ẩm giai đoạn phát triển quả; bón vôi bột hoặc thạch cao lúc đâm tia; tránh làm xây xước quả khi xới, làm cỏ; thu hoạch đúng độ chín; loại bỏ quả sâu, dập thối ngay tại ruộng.
- Thuốc bảo vệ thực vật phải thuộc Danh mục thuốc được phép sử dụng tại Việt Nam hiện hành; tuân thủ nguyên tắc "4 đúng" và thời gian cách ly ghi trên nhãn. Tên thuốc cụ thể tham khảo Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh.

8. Thu hoạch

- Thời gian thu hoạch khoảng 90 ngày sau gieo. Trước khi thu hoạch, nhổ thử một số cây để kiểm tra; thu hoạch khi 80 – 85% số quả đã già: vỏ lụa chuyển từ màu trắng sữa sang màu hồng, hạt căng chắc. Không để quả quá già trong đất.
- Đất khô cứng thì tưới nhẹ vừa đủ ẩm trước thu hoạch 1 đêm để nhổ cây không bị đứt quả.

9. Phơi sấy và bảo quản

- Sau khi nhổ, tách quả khỏi thân ngay; nếu chưa kịp tách, cắt bỏ thân lá, chừa gốc dài 20 – 25 cm và phơi cả gốc.
- Phơi trên bạt, nong nia đặt cách mặt đất hoặc sấy bằng lò sấy; không phơi trực tiếp trên sân gạch, sân xi măng quá nóng.
- Phơi, sấy đến khi độ ẩm hạt dưới 10% (vê nhẹ hạt thấy vỏ lụa tróc dễ dàng). Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý là đậu phộng sống đã phơi khô.
- Làm sạch bụi bẩn, tạp chất, hạt hỏng; đựng trong bao 02 lớp (có lớp chống ẩm) hoặc bao có lót túi nilon, buộc kín miệng. Xếp bao trong kho thoáng mát, khô ráo, cách xa tường; định kỳ 1 – 2 tháng kiểm tra để phát hiện sâu mọt, nấm mốc.

PHỤ LỤC 2. MẪU HỒ SƠ

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đề nghị ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh

Tên (tổ chức, cá nhân) đề nghị: ……..……..

Mã số doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh (hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân): ……..……

Địa chỉ: ……..……..…

Điện thoại: ……..……

Email: ……..……..

Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có):……

Căn cứ Quyết định số /QĐ-SHTT ngày / / của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý;

Căn cứ Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Đối chiếu với điều kiện cụ thể của đơn vị, tôi/chúng tôi đề nghị được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý như sau:

Hoạt động, sản phẩm đề nghị ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý:

Sản phẩm: .....

Hoạt động: ☐ Sản xuất ☐ Thu mua ☐ Sơ chế, chế biến ☐ Kinh doanh

Quy mô sản xuất/kinh doanh: .....

.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: .....

.....

Tôi/Chúng tôi cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật; đồng thời cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh về chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện của tổ chức/cá nhân

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Về việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh

Tên (tổ chức, cá nhân): ……. …….
Địa chỉ: …….……..……...
Điện thoại: …….……..……..
Email: …….……..…….
Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có): ……
…….……..…….

Sau khi được ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, tôi/chúng tôi xin cam kết thực hiện các nội dung như sau:

1. Sử dụng đúng và chính xác chỉ dẫn địa lý gồm cả tên gọi và biểu tượng (logo) của chỉ dẫn địa lý.

2. Chỉ sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các loại sản phẩm, dịch vụ đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh ghi nhận quyền sử dụng.

3. Chỉ dẫn địa lý được sử dụng kèm với nhãn hiệu chính thức của đơn vị nhưng không sử dụng chỉ dẫn địa lý làm nhãn hiệu chính cho sản phẩm, dịch vụ của mình.

4. Không chuyển nhượng hay chuyển giao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Sản phẩm được sản xuất, chế biến từ nguyên liệu đậu phộng có nguồn gốc trong khu vực địa lý được bảo hộ.

6. Duy trì và bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ mang chỉ dẫn địa lý.

Nếu vi phạm những điều đã cam kết trên, tôi/chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

……., ngày…. tháng…. năm …….
Tổ chức, cá nhân cam kết
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: *Hồ sơ đề nghị ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh nộp tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh, gồm:*

1. Tờ khai đề nghị ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (Mẫu 01): 02 bản (01 bản gốc, 01 bản sao);
2. Bản cam kết về việc sử dụng chỉ dẫn địa lý (Mẫu 02): 02 bản (01 bản gốc, 01 bản sao);
3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh hoặc bản sao thẻ Căn cước (đối với cá nhân): 02 bản.

Mẫu 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY GHI NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐẬU PHỘNG TÂY NINH

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh

1. Thông tin tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên tổ chức/cá nhân: …….
Mã số doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh (hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân): ..... ……
Địa chỉ (theo địa giới hành chính hiện hành): ấp/khu phố ……, xã/phường ……..……, tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: …….…… Email: ……..…..
Người đại diện theo pháp luật: …….…… Chức vụ: ……..……

2. Thông tin Giấy ghi nhận đã được cấp

- Số Giấy ghi nhận: …… Ngày cấp: …/…/……
- Thời hạn hiệu lực đến ngày: …/…/……
- Hoạt động được ghi nhận: ☐ Sản xuất ☐ Thu mua ☐ Sơ chế, chế biến ☐ Kinh doanh

3. Nội dung đề nghị *(đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)*

☐ 3.1. Sửa đổi Giấy ghi nhận

Nội dung sửa đổi	Thông tin đã ghi nhận	Thông tin đề nghị sửa đổi
☐ Tên tổ chức/cá nhân		
☐ Người đại diện theo pháp luật		
☐ Địa chỉ trụ sở/nơi cư trú		
☐ Địa điểm, diện tích vùng sản xuất (xã/phường, ha)		
☐ Giống đậu phộng (Lỳ, VD1, VD2)		
☐ Sản lượng dự kiến (tấn/năm)		
☐ Hoạt động được ghi nhận (sản xuất/sơ chế, chế biến/kinh doanh)		
☐ Nội dung khác: ……		

Lý do sửa đổi:
……

☐ 3.2. Cấp lại Giấy ghi nhận

Lý do: ☐ Bị mất ☐ Bị hư hỏng, rách nát ☐ Có sai sót do cơ quan cấp ☐ Lý do khác: ……

4. Tài liệu kèm theo

- ☐ Bản gốc Giấy ghi nhận đã cấp (trừ trường hợp bị mất)
- ☐ Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi (bản sao Giấy chứng nhận ĐKKD/HTX thay đổi; bản sao thẻ Căn cước; giấy tờ đất, hợp đồng thuê/liên kết vùng nguyên liệu…)
- ☐ Bản mô tả/sơ đồ vùng sản xuất mới (nếu thay đổi địa điểm, diện tích)
- ☐ Văn bản xác nhận của UBND cấp xã về việc mất Giấy ghi nhận (nếu có)
- ☐ Tài liệu khác: ……

5. Cam kết

Tổ chức/cá nhân cam kết:

- Các thông tin kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Vùng sản xuất đề nghị sửa đổi nằm trong khu vực địa lý tương ứng với CDĐL đã được bảo hộ; tiếp tục tuân thủ quy trình kỹ thuật canh tác, Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý.

……, ngày …… tháng …… năm ……

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY GHI NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐẬU PHỘNG TÂY NINH

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh

1. Thông tin tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên tổ chức/cá nhân: ……

Mã số doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh (hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân): ……

Địa chỉ (theo địa giới hành chính hiện hành): ấp/khu phố ……, xã/phường ……, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: …… Email: ……..…..

Người đại diện theo pháp luật: ……..…… Chức vụ: ……..…….

2. Thông tin Giấy ghi nhận đã được cấp

Số Giấy ghi nhận: …… Ngày cấp: …/…/……

Ngày hết hiệu lực: …/…/……

Hoạt động được ghi nhận: ☐ Sản xuất ☐ Thu mua ☐ Sơ chế, chế biến ☐ Kinh doanh

3. Tình hình sử dụng chỉ dẫn địa lý trong thời gian hiệu lực của Giấy ghi nhận

Nội dung	**Kết quả thực hiện**
Diện tích sản xuất đậu phộng trong khu vực CDĐL (ha)	
Giống sử dụng (Lỳ, VD1, VD2)	
Sản lượng đậu phộng mang CDĐL đã đưa ra thị trường (tấn)	
Số lượng tem/nhãn CDĐL đã sử dụng (tem)	
Thị trường tiêu thụ chính	
Việc tuân thủ quy trình kỹ thuật canh tác và ghi chép nhật ký sản xuất	☐ Đầy đủ ☐ Chưa đầy đủ
Kết quả kiểm tra, kiểm soát chất lượng gần nhất (ngày, kết quả)	
Vi phạm bị xử lý (nếu có)	☐ Không ☐ Có: ……

4. Nội dung đề nghị

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh xem xét gia hạn Giấy ghi nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý nêu tại Mục 2.

Thông tin đăng ký so với Giấy ghi nhận đã cấp:

- ☐ Không thay đổi
- ☐ Có thay đổi *(kèm Tờ khai đề nghị sửa đổi theo Mẫu 03)*

5. Tài liệu kèm theo

- ☐ Bản gốc Giấy ghi nhận đã cấp

- ☐ Nhật ký sản xuất/sổ ghi chép canh tác trong thời gian hiệu lực của Giấy ghi nhận
- ☐ Sổ theo dõi sử dụng tem/nhãn CDĐL
- ☐ Kết quả kiểm tra, phân tích chất lượng sản phẩm (nếu có)
- ☐ Tài liệu khác: ……

6. Cam kết

Tổ chức/cá nhân cam kết:

- Các thông tin kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Tiếp tục sản xuất, kinh doanh đậu phộng trong khu vực địa lý tương ứng với CDĐL, bảo đảm các tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm theo Bản mô tả; tuân thủ Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý.

……, ngày …… tháng …… năm ……

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC 3. QUY ĐỊNH LOGO

Logo chỉ dẫn địa lý đậu phộng Tây Ninh phải được sử dụng, in ấn theo đúng quy định sau:

- Logo được sử dụng, in ấn theo đúng kích thước và tỷ lệ ở hình dưới, không được thay đổi tỷ lệ, màu sắc, bố cục, ngoại trừ việc thay đổi đơn thuần chỉ là phóng to, thu nhỏ để phù hợp với kích thước bao bì, phương tiện giao dịch, thương mại.

- Kích thước tối thiểu của logo không được phép nhỏ hơn 15 mm (như hình bên dưới) để bảo đảm cho logo luôn rõ ràng và có khả năng nhận diện.

- Màu sắc:

+ Màu nâu và vàng đất: chủ đạo ở vòng tròn và hình ảnh quả đậu phộng, tượng trưng cho đất đai, thổ nhưỡng Tây Ninh mang tính mộc mạc, gần gũi với thiên nhiên, truyền thống sản xuất nông nghiệp lâu đời.

+ Màu xanh lá cây: thể hiện cây đậu phộng, đồng ruộng và sự sinh trưởng, phát triển bền vững, canh tác nông nghiệp thân thiện với môi trường, an toàn và hài hòa với hệ sinh thái.

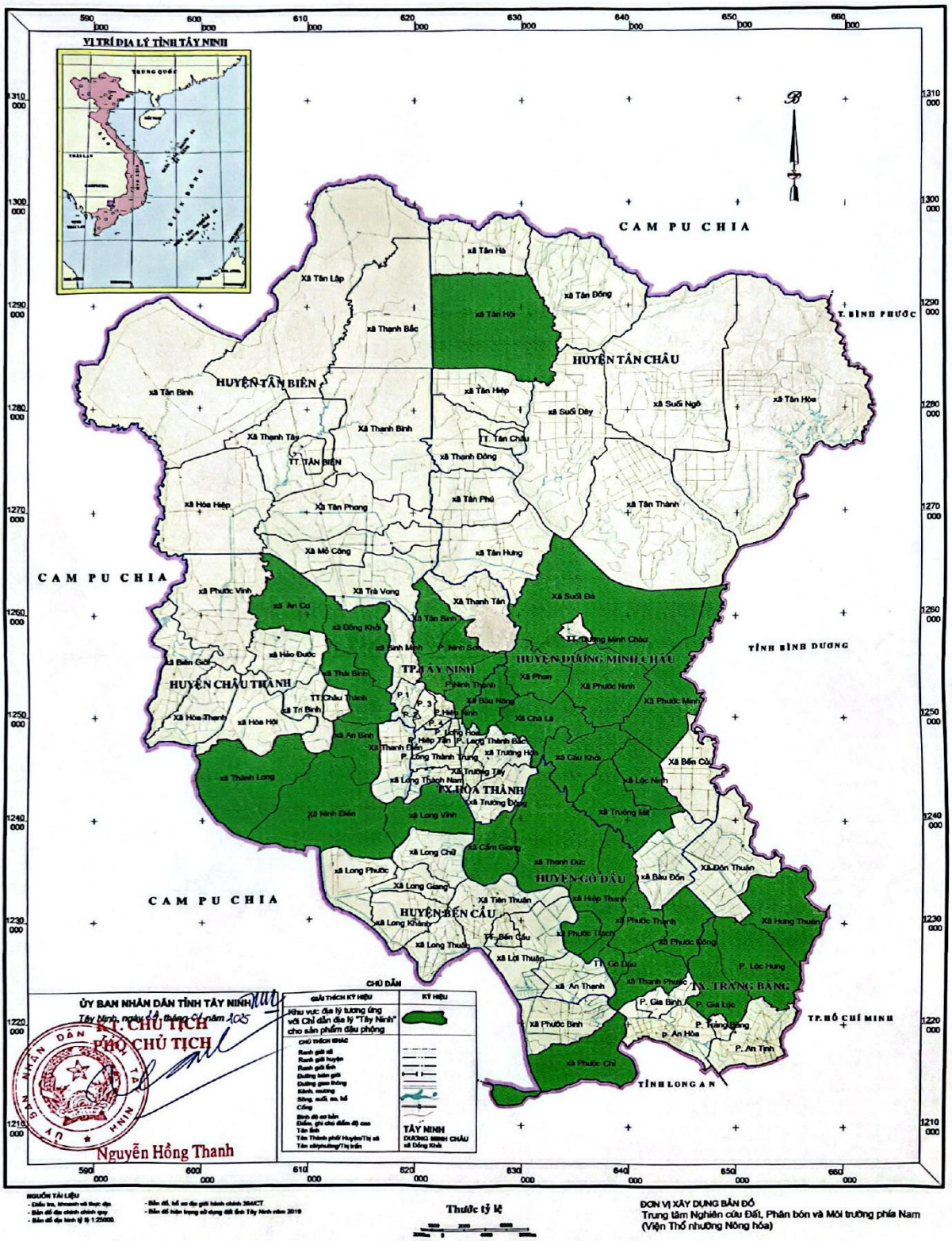
+ Màu xanh lam/xanh lục nhạt: biểu trưng cho núi non đặc trưng của địa danh tỉnh Tây Ninh, với không gian sinh thái đặc trưng và tính ổn định lâu dài của vùng sản xuất.

+ Màu trắng ngà: được sử dụng làm nền hoặc chi tiết phụ, tạo cảm giác tinh khiết, sạch và an toàn**,** đồng thời giúp các màu sắc khác nổi bật một cách hài hòa, tạo sự rõ ràng, dễ nhận diện.



PHỤ LỤC 4. KHU VỰC SẢN XUẤT SẢN PHẨM MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐỊA LÝ TƯƠNG ỨNG VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ "TÂY NINH" CHO SẢN PHẨM ĐẬU PHỘNG CỦA TỈNH TÂY NINH



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
Tây Ninh, ngày 14 tháng 01 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hồng Thanh

Khu vực địa lý tương ứng với Chỉ dẫn địa lý "Tây Ninh" cho sản phẩm đậu phộng gồm 32 xã, phường, thị trấn thuộc 06 huyện, thị xã, thành phố:

1. Huyện Dương Minh Châu: xã Suối Đá, xã Phan, xã Phước Ninh, xã Phước Minh, xã Bàu Năng, xã Chà Là, xã Cầu Khởi, xã Lộc Ninh, xã Truông Mít.
2. Huyện Châu Thành: xã Thái Bình, xã An Cơ, xã An Bình, xã Đồng Khởi, xã Long Vĩnh, xã Ninh Điền, xã Thành Long.
3. Huyện Tân Châu: xã Tân Hội.
4. Huyện Gò Dầu: thị trấn Gò Dầu, xã Thanh Phước, xã Phước Đông, xã Phước Thạnh, xã Phước Trạch, xã Hiệp Thạnh, xã Thạnh Đức, xã Cẩm Giang.
5. Thị xã Trảng Bàng: phường Gia Lộc, phường Lộc Hưng, xã Phước Chỉ, xã Hưng Thuận.
6. Thành phố Tây Ninh: phường Ninh Thạnh, phường Ninh Sơn, xã Tân Bình.